

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

*tại ngày 31/12/2012*

*đã được kiểm toán*

CNT14DA023 L2098-00001



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	04
<b>BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	05 - 08



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012.

### **Công ty**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### **Hội đồng quản trị**

Thành viên hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
3	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
4	Lê Tăng Đức	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
5	Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011

### **Ban Tổng Giám đốc**

Thành viên ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
2	Ngô Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2007
3	Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2011

### **Ban kiểm soát**

Thành viên ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Trần Công Văn	Trưởng Ban Kiểm Soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012
2	Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
3	Đỗ Chí Thường	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
4	Đỗ Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012
5	Phạm Hùng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012

### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Đoàn Ngọc Hoàn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2013

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2013

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 31/12/2012

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính ;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo..

Kế toán trưởng



Bùi Quang Kỳ

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

## BÁO CÁO TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	161.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ Dự phòng bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển	271.963.694		
6	Quỹ dự phòng tài chính	271.963.694		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	3.485.089.228		
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		40.427.550	2.994.467.227
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>	<b>165.029.016.616</b>	<b>40.427.550</b>	<b>2.994.467.227</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		461.970.700	
<b>III</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
1	Phải thu của khách hàng			
2	Trả trước cho người bán		461.970.700	
6	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		210.774.126	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		195.774.126	
4	Tài sản ngắn hạn khác		15.000.000	
4.1	Tạm ứng		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		15.000.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>672.744.826</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định</b>		21.952.935.135	
<b>II</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		37.000.000.000	
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		17.000.000.000	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		20.000.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		3.788.952.003	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ lại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không tính giảm trừ theo quy định tại điều 5			
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>62.741.887.138</b>	
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>			<b>104.568.424.329</b>

- Đối với tài sản được dùng là tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc cho bên thứ ba (ví dụ như hợp đồng bán có cam kết mua lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên bán), thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản xác định theo quy định tạo phụ lục 2, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của các nghĩa vụ
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng (ví dụ như hợp đồng giao dịch ký quỹ, giao dịch mua có cam kết kết bán lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên mua): Thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 9, giá trị sổ sách
- Trong đó, giá trị sổ sách là giá trị còn lại của tài sản đảm bảo (trong trường hợp tài sản cố định) tại thời điểm giao kết hợp đồng hoặc giá trị xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm giao kết hợp đồng (Nếu là loại tài sản khác)

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

### A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) =(1)*(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1.	Tiền mặt ( VND)	0%	71.898.521.518	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	0	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	0	-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	1.000.000	200.000
<b>IV. Cổ phiếu</b>				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	61.660.000	6.166.000
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	355.159.900	53.273.985
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký qua hệ thống upcom	20%	1.670.000	334.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	23.516.020.000	11.758.010.000
<b>V. Chứng Chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
<b>VII. Các tài sản khác</b>				
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm ( nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>				
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG ( A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				11.817.983.985

### B. RỦI RO THANH TOÁN

LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	Giá trị rủi ro							Tổng giá trị
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
<b>III. Rủi ro tăng thêm ( nếu có)</b>								
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN ( B=I+II+III)</b>								
<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG( TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)</b>								
<b>I. Tổng các chi phí hoạt động</b>								25.815.656.506
<b>II. Các khoản giảm trừ khối tổng chi phí</b>								3.543.607.075
1	Chi phí khấu hao, chi phí không bằng tiền							6.034.469.115
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn							(2.954.039.677)
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn							
4	Dự phòng phải thu khó đòi							463.177.637
<b>III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ ( III=I-II)</b>								22.272.049.431
<b>IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ(III=I-II)</b>								5.568.012.358
<b>V. 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>								32.200.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max { IV,V})</b>								32.200.000.000
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO ( A+B+C)</b>								44.017.983.985

**Ghi chú:**

- Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính Phủ bảo lãnh , Bộ tài chính bảo lãnh , Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung Ương:
- (1) nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung Ương:
  - (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung Tâm lưu ký Chứng Khoán
- Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (3) thuộc khối OECD
  - (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD
  - (5) tại Việt Nam
  - (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tập Đoàn Nhà Nước, Tổng Công ty Nhà Nước, Doanh Nghiệp nhà nước
  - (7) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**III. BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro / Vốn khả dụng	Ghi chú nếu có
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	11.817.983.985	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán		
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	32.200.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	44.017.983.985	
5.	Vốn khả dụng	104.568.424.329	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	238%	